

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 10/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Việt dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 12

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật. Từ hôm nay, chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn.

PHẨM THỨ BA: ĐẠI GIÁO DUYÊN KHỞI

Kinh văn phẩm này là phần biệt tự của kinh này, còn gọi là “phát khởi tự”. Trong phần tự, Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành, tôn giả A-nan vui mừng thưa hỏi. Thế Tôn giải đáp điều nghi, khai diễn một bộ pháp bảo rộng lớn, viên mãn, giản dị, thẳng tắt, phương tiện, rốt ráo, hiếm có khó gặp nhất, chính là: kinh Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Mời xem kinh văn bên dưới.

Bấy giờ Thế Tôn uy thần quang minh rực rỡ mạnh mẽ, như ánh sáng của vàng nung chảy, lại như gương sáng, trong ngoài đều tỏ. Hiện ánh sáng lớn, trăm ngàn sắc tướng. Tôn giả A-nan liền tự suy nghĩ: ngày nay sắc thân các căn của Thế Tôn hoan hỷ thanh tịnh, dung nhan sáng ngời tôn quý, cõi báu trang nghiêm, từ trước đến nay chưa từng nhìn thấy. Vui mừng được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, quỳ gối chấp tay và bạch Phật rằng: Hôm nay Thế Tôn nhập đại tịch định, trụ trong pháp kỳ đặc, trụ nơi chư Phật trụ, trụ nơi hạnh của đạo sư, đạo thù thắng bậc nhất! Quá hiện vị lai Phật Phật niệm nhau, Thế Tôn là niệm chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai, hay niệm chư Phật hiện tại phương khác? Vì sao lại có uy thần hiển diệu, quang minh tướng lành đặc biệt vi diệu như vậy? Nguyện Thế Tôn vì chúng con mà tuyên thuyết.

Kinh văn đoạn này khá dài, chúng tôi sẽ chia thành chín đoạn nhỏ để giảng giải.

“Bấy giờ Thế Tôn uy thần quang minh rực rỡ mạnh mẽ, như ánh sáng của vàng nung chảy.”

“Thế Tôn” là chỉ Thích-ca Mâu-ni Phật. “Uy” nghĩa là uy nghiêm mạnh mẽ, khiến người sinh tâm kính sợ. “Quang” là ánh sáng từ thân Phật phát ra có thể chiếu soi muôn vật, nên gọi là “minh”. Ánh sáng ấy có uy thần, nên gọi là “uy thần quang minh”. “Rực rỡ mạnh mẽ”, “rực rỡ” nghĩa là sáng rực, “mạnh mẽ” nghĩa là cường thịnh. “Uy thần quang minh rực rỡ mạnh mẽ”, ánh sáng do Phật phóng ra hùng mãnh đầy uy lực, sáng rực mạnh mẽ. “Như ánh sáng của vàng nung chảy”, giống như vàng được nung chảy và tụ lại. Vàng vốn đã rất sáng, khi bị nung chảy càng sáng ngời hơn. Thép và sắt vốn không phát sáng, nhưng ở trong lò luyện thì ánh thép sáng cực kỳ.

“Lại như gương sáng, trong ngoài đều tỏ.”

Thân Phật phóng quang giống như gương sáng, ánh sáng từ gương chiếu ra bên ngoài gọi là “chiếu ngoài”. Ánh sáng gương không chỉ chiếu ra bên ngoài, mà soi vào bên trong gương cũng rất sáng rõ, gọi là “chiếu trong”. Ánh sáng nơi thân Phật giống như ánh sáng của gương, trong ngoài đều sáng rõ, gọi là “trong ngoài đều tỏ”. Tu pháp Mật tông, quán tượng của bốn tôn, chính là khởi quán theo cách như vậy. Tượng của bốn tôn không phải thật có, cũng chẳng phải không, mà thuần túy là thể của ánh sáng, trong ngoài đều phát sáng.

“Hiện ánh sáng lớn, trăm ngàn sắc tướng.”

“Ánh sáng lớn”, “lớn” là chỉ ánh sáng này vô cùng thù thắng, sáng rõ và rộng lớn; đồng thời màu sắc của ánh sáng không ngừng thay đổi biến hóa; trong ánh sáng có màu sắc, trong màu sắc có ánh sáng, ánh sáng và màu sắc chuyển biến lẫn nhau. Hình thái của ánh sáng cũng không ngừng biến đổi, càng biến đổi càng vi diệu, đây chính là “trăm ngàn sắc tướng”.

“Tôn giả A-nan liền tự suy nghĩ: ngày nay sắc thân các căn của Thế Tôn hoan hỷ thanh tịnh.”

A-nan là thị giả của Phật, ngài đã chứng Sơ quả. Trong hội Pháp Hoa nói: A-nan và Thế Tôn cùng phát tâm dưới hội của Phật Không Vương. A-nan ưa thích đa văn, Thế Tôn thì thường siêng năng tinh tấn, do vậy Thế Tôn đã chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Có những người chỉ biết nghe nhiều mà không tu hành. Vì

sao vậy? Bởi những gì họ hiểu đều là tà kiến. Nếu thật sự khai được chánh giải thì nhất định sẽ tu hành. Lại có những người chỉ hành mà không giải, cả đời tu hành, kết quả không phải là phá vô minh mà là tăng trưởng vô minh. Do đó, cần phải giải hành tương ứng.

A-nan hộ trì pháp của Thế Tôn, cũng hộ trì pháp tạng của chư Phật trong tương lai, giáo hóa và thành tựu hàng Bồ-tát. A-nan vẫn chưa thành Phật, đây chỉ là gốc tích của A-nan, việc hiện thân Sơ quả chỉ là thị hiện. Trên thực tế, sự thị hiện của ngài A-nan trong đời này là nhân vật then chốt của đại giáo, vô cùng quan trọng. Trước đó, chúng tôi đã giới thiệu khá chi tiết về tôn giả A-nan, nên ở đây sẽ không nhắc lại nữa.

“Liên tục suy nghĩ: ngày nay sắc thân các căn của Thế Tôn hoan hỷ thanh tịnh.” A-nan thấy Phật hiện tướng lành hiếm có, hiện ra ánh sáng thù thắng trước nay chưa từng có. Trong tâm ngài suy nghĩ: hôm nay Thế Tôn “sắc thân và các căn hoan hỷ thanh tịnh”. Sắc thân cùng với các căn như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đều thể hiện sự hoan hỷ vui vẻ, hơn nữa vô cùng thanh tịnh. Trong kinh Bảo Tích nói: “Thanh tịnh” là chỉ bản tánh thanh tịnh trong suốt của thân Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai sớm đã xa lìa mọi cấu nhiễm. Thân của chư thiên tuy cũng vi diệu, nhưng vẫn còn ô nhiễm. Người nhập định *phi tướng phi phi tướng xứ* cũng giống như cá đông cứng trong băng, không khởi niệm nào, nhưng sau tám vạn kiếp vẫn khởi niệm trở lại. Những trạng thái này đều là có cấu nhiễm, không phải là sức định thanh tịnh rốt ráo. Thân Như Lai “ví như hình ảnh vi diệu trong tấm gương sạch, như vàng trắng tròn sáng trong dòng nước thanh tịnh”.

Vì sao Phật hoan hỷ? Điều này có hai ý nghĩa: Vì nhớ nghĩ đến tất cả thánh hạnh và công đức viên mãn của A-di-đà Phật. Vì thời cơ hiếm có khiến chúng sanh nhận được lợi ích từ pháp đã đến. Có thể thấy, kinh này thỏa mãn trọn vẹn bản hoài của Như Lai. Thích-ca Mâu-ni Phật và A-di-đà Phật đều vô cùng hoan hỷ, bởi vì thời cơ để chúng sanh đạt được lợi ích chân thật đã đến.

“Dung nhan sáng ngời tôn quý, cõi báu trang nghiêm, từ trước đến nay chưa từng nhìn thấy. Vui mừng được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai phải, quỳ gối chấp tay và bạch Phật rằng.”

“Sáng ngời tôn quý” là chỉ đáng vẻ cao lớn, tôn quý, thù thắng. “Nhan” là chỉ dung mạo, dung nhan của Phật tỏa ánh sáng nên gọi là “dung nhan sáng ngời”. “Cõi

báu trang nghiêm”, trong ánh sáng hiện ra các cõi báu, lời này xuất hiện trong bản dịch thời Tống. “Cõi” là chỉ cõi Phật, quốc độ của Phật. “Cõi báu” là chỉ cõi Tịnh độ của Phật. Trong ánh sáng của Phật hiện ra các cõi nước trang nghiêm của chư Phật, điều này thể hiện cảnh giới không thể nghĩ bàn của pháp giới sự sự vô ngại trong kinh Hoa Nghiêm. Một tia sáng nơi thân Phật là “một” là “nhỏ”, cõi Phật là “nhiều” là “lớn”, trong một có nhiều, nhỏ chứa được lớn. Đây đều là những cảnh giới thù thắng vi diệu vượt ngoài tình kiến, đều là những tướng công đức vốn đầy đủ nơi tự tâm.

“Từ trước đến nay chưa từng nhìn thấy. Vui mừng được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu. Liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai phải, quỳ gối chấp tay và bạch Phật rằng.” Tướng lành thù thắng như vậy, từ quá khứ cho đến hiện tại, ngài A-nan chưa từng thấy qua. Hôm nay được chiêm ngưỡng tướng lành như thế của Phật, “sanh tâm hy hữu”, trong tâm sanh khởi sự thành kính chưa từng có. Do vậy, A-nan liền từ chỗ ngồi khởi thân, đứng dậy, đắp ca-sa chỉnh tề, để hở vai phải. Đây là nghi thức biểu thị sự cực kỳ cung kính của một tỳ-kheo. A-nan quỳ hai gối xuống đất, hướng lên Phật bạch rằng.

“Hôm nay Thế Tôn nhập đại tịch định.”

Trong kinh Niết-bàn nói: Khi Phật nhập niết-bàn, ngài nhập định trong rừng [Sa-la] Song Thọ, định ấy được gọi là “đại tịch định”. Kinh Niết-bàn cũng nói: “Đại tịch định gọi là đại niết-bàn.” Niết-bàn có ba đức: pháp thân đức, giải thoát đức và bát-nhã đức. Ba đức đều viên mãn thì gọi là “đại niết-bàn”.

Trong sách Chân Giải nói: “Đại tịch định” là một tên khác của niệm Phật tam-muội. Nay Phật sắp nói pháp môn niệm Phật cho mọi người, do vậy ngài an trụ trong niệm Phật tam-muội.

Dựa theo kinh Niết-bàn, “đại tịch định” chính là đại niết-bàn. Kết hợp với pháp môn Tịnh độ mà nói thì cũng chính là niệm Phật tam-muội. Hai cách nói này không hề mâu thuẫn. Giáo pháp viên đôn chủ trương nhân quả đồng thời. Niệm Phật tam-muội là nhân, chứng niết-bàn là quả, vì nhân quả và đồng thời nên cả hai đồng thời hiển hiện.

Tổ sư Ấn Quang nói về “nhập đại tịch định” như sau: Chính là chỉ cho vào niệm Phật tam-muội. Niệm Phật lấy tín và nguyện làm chủ, có lòng tin chân thật và

nguyện thiết tha thì chắc chắn được vãng sanh. Còn việc chứng tam-muội, tuy không thể không phát tâm này, nhưng thực tế ngày nay, người chứng được tam-muội vô cùng ít. Bởi vì nếu có thể chứng niệm Phật tam-muội thì ngay đời này đã siêu phàm nhập thánh. Chớ nên xem thường điều này! Quả thật là Phật Phật đạo đồng.

“Trụ trong pháp kỳ đặc.”

Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: Pháp mà Phật chứng đắc không phải là điều mà hàng Bồ-tát có thể đạt được, cũng không có ở thế gian, nên gọi là kỳ đặc.

Trong phẩm Tánh Khởi của kinh Hoa Nghiêm nói: Trong thân tất cả chúng sanh đều có trí chánh giác, tuy kỳ lạ, song “kỳ lạ mà không đặc biệt”. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh đều có, cho nên không có gì đặc biệt.

Trong phẩm Đề-bà-đạt-đa của kinh Pháp Hoa nói: Long nữ tám tuổi thành Phật, tuy rất đặc biệt, song “đặc biệt mà không kỳ lạ”. Tại vì sao? Vì đó chỉ là khôi phục lại thứ “xưa nay vốn vậy”, cho nên chẳng có gì lạ.

Chỉ có pháp môn niệm Phật là vừa kỳ lạ nhất, lại vừa đặc biệt nhất. Vì sao vậy? Nay lấy hoa sen ở cõi Cực Lạc để nói rõ:

1. Nếu nói là y báo thì mỗi một hoa sen phóng ra ba mươi sáu ức trăm ngàn ánh sáng, trong mỗi ánh sáng lại hiện ra ba mươi sáu ức trăm ngàn Phật.

2. Nếu nói là chánh báo thì mỗi hoa có trăm ngàn ức cánh, rõ ràng là cánh hoa chứ không phải thân Phật.

3. Nếu nói là nhân thì hoa là do quả đức của Phật tạo thành.

4. Nếu nói là quả thì hoa là loài thực vật của mười phương thế giới.

5. Nếu nói là chủ thì hoa có thể hàm nhiếp tất cả, bạn của nó rất nhiều.

6. Nếu nói là bạn thì ngoài tâm không có pháp, tất cả chỉ do tự tâm Như Lai hiện ra.

7. Nếu nói là một pháp thì mỗi một đóa hoa đều có vô lượng ánh sáng, mỗi ánh sáng hiện ra vô lượng Phật, diễn nói diệu pháp khắp mười phương.

8. Nếu nói là vô lượng, song chỉ là một câu danh hiệu.

Trong Vãng Sanh Luận Chú nói: Phật, Bồ-tát, cõi nước - ba loại trang nghiêm đều vào trong một câu pháp, chỉ là một câu danh hiệu.

Từ những điều trên có thể thấy: nếu nói là “một” thì trong một lại có vô lượng diệu pháp; nếu nói là “nhiều” thì vô lượng trang nghiêm cũng chỉ do một tâm hiện ra. Cho nên, đây là điều kỳ lạ trong kỳ lạ, đặc biệt trong đặc biệt, là pháp không thể xưng, không thể nói, không thể nghĩ bàn, cũng không thể đặt tên, đành tạm gọi là kỳ đặc.

Đại sư Ngẫu Ích nói: Người vãng sanh về cõi Phạm thánh đồng cư của thế giới Cực Lạc, tuy vẫn là phàm phu, nhưng đã chứng được bất thoái chuyển. Nếu nói họ đã chứng đến bất thoái chuyển, song họ vẫn là phàm phu. Đây là điều mà mười phương thế giới đều không có, cho nên gọi là kỳ đặc. Ngay lúc A-nan thấy Thế Tôn thị hiện tướng lành thù thắng trước giờ chưa từng có, nên ngài suy đoán rằng Phật đang trụ trong pháp kỳ đặc.

Về việc “trụ trong pháp kỳ đặc”, tổ sư Ấn Quang có hai đoạn khai thị rất đặc sắc, nay xin trích nguyên văn như sau, mời các đồng tu hãy đọc kỹ. Nếu bạn đọc hiểu hai đoạn này thì nhận thức của bạn đối với kinh Vô Lượng Thọ và pháp môn niệm Phật Tịnh độ là “pháp kỳ đặc” sẽ được nâng lên rất nhiều.

Đoạn thứ nhất: “Kinh Hoa Nghiêm lớn lao thay, là vua của các kinh. Pháp môn và công đức đều không thể đo lường. Như Lai khi thành Chánh giác liền nói ra pháp ngài đã chứng. Người được dự pháp hội này, chỉ có Pháp thân Bồ-tát. Hàng Nhị thừa tuy có mặt, nhưng chẳng thấy chẳng nghe, hướng hồ là phàm phu, sao có thể nghe thấm nhuần được. Phật với tâm đại từ bi, nhiếp hạp nông cạn vào trong pháp sâu nhất. Chỗ quy kết và tông chỉ sau cùng là khiến cho hết thấy đồng bái yết Di-đà Thế Tôn. Chỉ có pháp kỳ đặc này, phàm thánh đều tu theo. Viên dung nhiếp trọn bậc Đẳng giác lẫn chúng sanh trong sáu đường. Người thời mạt pháp căn cơ kém cỏi, đoạn hoặc khó biết bao, song kẻ tín nguyện niệm Phật thì chắc chắn được lên chín phẩm sen.”

Đoạn thứ hai: “Lớn lao thay, lời dạy của pháp môn Tịnh độ: tâm này làm Phật, tâm này là Phật, dầu bậc tu môn chỉ thẳng tâm người, cũng phải nhún mình trước sự kỳ đặc này. Ngay niệm này niệm Phật thì ngay niệm này thành Phật, những vị trải muôn kiếp tu chứng càng nên ngưỡng mộ đức phong cao vời ấy. Độ khắp ba căn: thượng, trung, hạ; thống nhiếp các tông: luật, giáo, thiền. Như mưa đúng thời thấm nhuần vạn vật, như biển lớn dung chứa muôn sông. Tất cả các pháp “thiên, viên, đốn, tiệm” không pháp nào chẳng từ pháp giới này tuôn ra. Muôn hạnh tu “đại, tiểu,

quyền, thật” đều quay về pháp giới này. Không cần đoạn hoặc nghiệp mà được dưng vào hàng Bồ xứ, ngay trong đời này viên mãn Bồ-đề. Chúng sanh chín pháp giới lia pháp môn này thì trên không thể viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể rộng độ quần sanh. Cho nên, hải chúng Hoa Nghiêm đều tu theo mười đại nguyện vương; nơi hội Pháp Hoa, xưng một câu danh hiệu liền chứng thật tướng các pháp. Hạnh phương tiện thù thắng nhất, ngài Mã Minh đã nêu trong luận Khởi Tín. Đạo dễ hành chóng đến, được ngài Long Thọ chỉ rõ trong luận Bà-sa. Thân sau của đức Thích-ca là ngài Trí Giả, nói luận Thập Nghi, chuyên chỉ nơi Tây Phương. Ngài Vĩnh Minh là Di-đà thị hiện, trước tác Tứ Liệu Giản, cả đời chuyên niệm Phật. Pháp này thâm tam thừa, ngũ tánh, đồng chứng chân thường; dẫn dắt thượng thánh hạ phàm cùng lên bờ giác. Do vậy, chín pháp giới đều nương về, mười phương cùng tán thán, ngàn kinh đồng nêu rõ, muôn luận đều tuyên dương. Thật có thể gọi là pháp tốt cùng trong một đời giáo hóa của Phật, là đại giáo Nhất thừa vô thượng. Nếu chẳng vun trồng gốc đức, e muôn kiếp khó gặp. Nay đã được thấy nghe, cần phải siêng năng tu tập.”

Những đoạn này của tổ sư Ấn Quang nói với chúng ta: pháp kỳ đặc chính là chỉ cho pháp môn Tịnh độ.

“Trụ nơi chư Phật trụ, trụ nơi hạnh của đạo sư, đạo thù thắng bậc nhất.”

Đây cũng chính là tâm niệm của A-nan lúc bấy giờ. Ngài cho rằng, nay Phật hiện tướng lành, nhất định là đang trụ tâm vào nơi chư Phật trụ, vào thánh hạnh của đạo sư, đạo thù thắng bậc nhất.

Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: “Nơi chư Phật trụ” chính là quả “thường, lạc, ngã, tịnh” của niết-bàn. Phật Phật đạo đồng, cho nên Thế Tôn cũng cùng trụ nơi quả giác niết-bàn. Từ đại niết-bàn xuất sanh ra diệu dụng giáo hóa thù thắng, do vậy hôm nay Phật trụ nơi hạnh của đạo sư, đạo thù thắng bậc nhất.

Sách Chân Giải nói: Chư Phật ba đời đều đang niệm Phật trong niệm Phật tam-muội, đó là chỗ mà chư Phật trụ. Hôm nay Thế Tôn cũng đang trụ trong niệm Phật tam-muội, nơi mà chư Phật trụ. Niệm Phật tam-muội là vua của các tam-muội, nên còn gọi là bảo vương tam-muội. Từ niệm Phật tam-muội có thể lưu xuất ra hết thảy các tam-muội khác.

Niệm Phật tam-muội là nơi mà chư Phật mười phương cùng trụ.

“Đạo sư” là bậc có thể chỉ bày con đường chánh cho chúng sanh, dạy người thoát ly sanh tử. Đương nhiên, sanh tử như mộng huyễn bọt bóng, nhưng chỉ cần tỉnh mộng thì những thứ này đều không còn. Nếu ở trong mộng không tỉnh, thì sanh tử sẽ tiếp nối.

Kinh Phật Bảo Ân nói: có thể từ đường chánh chỉ dẫn người vào lối niết-bàn, khiến họ đạt được thường lạc vô vi, thì gọi là đại đạo sư. Gốc bệnh của chúng sanh chính là hữu vi, có người tuy học Phật nhưng do chấp trước và tình kiến quá sâu, nên biến Phật pháp thành pháp hữu vi.

Kinh Kim Cang nói: “Hết thấy pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng.” Đã là bọt bóng thì cũng là hư vọng. Vì vậy, người làm đại đạo sư chủ yếu dẫn dắt Phật tử xả bỏ hữu vi, liễu đạt vô vi, thẳng đến niết-bàn, chứng được thường lạc ngã tịnh.

Sách Chân Giải nói: “Hạnh của đạo sư” tức là nói Di-đà Thế Tôn bình đẳng tiếp dẫn, không bỏ sót một ai. Cách nói này đặc biệt khế hợp với kinh này, Di-đà Thế Tôn bình đẳng phổ độ, không hề phân biệt.

Tổ sư Ấn Quang dạy rằng: “Chúng sanh đang mê, như người sanh ra đã mù, quên mất quê nhà vốn có. Nếu muốn quay về, phải có người dẫn lối, mới không đến nỗi va tường đụng vách, rớt hầm sụp hố. Đã có người dẫn, thì phải hoàn toàn tuân theo lời người chỉ dẫn, không được móng tâm chống trái. Nếu như chống trái, chẳng những không thể về nhà, mà e rằng mất luôn thân mạng. Pháp môn Tịnh độ do Phật nói chính là bậc đạo sư của hết thấy chúng sanh trong tam giới. Nếu chúng sanh theo lời Phật dạy mà tu hành thì nhất định đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc, ở quê nhà vốn có mà hưởng thụ an lạc.”

“Quá hiện vị lai Phật Phật niệm nhau, Thế Tôn là niệm chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai, hay niệm chư Phật hiện tại phương khác? Vì sao lại có uy thần hiển diệu, quang minh tướng lành đặc biệt vi diệu như vậy? Nguyên Thế Tôn vì chúng con mà tuyên thuyết.”

Ngài A-nan suy nghĩ: Hôm nay Phật an trụ trong hạnh của đạo sư, đạo thù thắng bậc nhất, ắt cũng giống như chư Phật ba đời. Phật và Phật luôn nhớ nghĩ đến nhau, quang minh của chư Phật chiếu rọi lẫn nhau, tâm tâm tương ấn, gọi là “Phật Phật niệm nhau”.

Do vậy, A-nan hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn, hôm nay ngài đang niệm Phật quá khứ, hay đang niệm Phật hiện tại? Nếu không phải vậy, thì sao ánh sáng mà Thế Tôn phóng ra lại trong sáng, cát tường, thù thắng, vi diệu như thế?” A-nan thấy Phật phóng quang, hiện tướng lành chưa từng có, nên ngài biết rằng Thế Tôn nhất định cũng giống như chư Phật ba đời: đang niệm Phật. Tuy nhiên, ngài không biết Thế Tôn đang niệm Phật quá khứ, hay Phật hiện tại. Vì vậy ngài thỉnh cầu Thế Tôn từ bi tuyên nói.

Bấy giờ Thế Tôn bảo A-nan rằng: “Lành thay, lành thay! Ông vì thương xót, làm lợi lạc cho các chúng sanh, mới hỏi ra nghĩa vi diệu như vậy. Lời hỏi của ông hôm nay có công đức vượt hơn cúng dường các bậc A-la-hán, Bích-chi-Phật trong một thiên hạ; lũy kiếp bố thí cho chư thiên, nhân dân và các loài côn trùng bay bò trăm ngàn vạn lần. Vì sao vậy? Chư thiên, nhân dân và hết thấy hàm linh trong tương lai đều nhờ lời hỏi của ông mà được độ thoát.

“Bấy giờ Thế Tôn bảo tôn giả A-nan rằng: “Lành thay, lành thay! Ông vì thương xót, làm lợi lạc cho các chúng sanh, mới hỏi ra nghĩa vi diệu như vậy.”

Thế Tôn đáp lời tôn giả A-nan: Lành thay, lành thay! Thế Tôn từ tận đáy lòng mà phát ra lời xưng tán. Ngài đồng thời tán thán A-nan rằng: “Ông vì lòng từ bi thương xót chúng sanh, muốn tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Ông có tâm vĩ đại như vậy, nên mới nêu được câu hỏi thù thắng vi diệu như thế, Như Lai rất hoan hỷ.” “Thương xót”, “thương” là xót thương, thương cảm; “mẫn” là bi mẫn.

Trong sách Chân Giải nói: Vấn đề mà A-nan hỏi hoàn toàn hợp với tâm Phật, hơn nữa còn khế hợp thời cơ. Phật tán thán A-nan có thể hỏi ra nghĩa thù thắng vi diệu như thế. “Vi diệu”: pháp thể sâu kín, tinh vi, huyền diệu thì gọi là “vi”; không phải là “vi” trong “vi tiểu”, mà là “vi” trong “tinh vi”. “Diệu” là không thể nghĩ bàn. Điều mà A-nan hỏi chính là vấn đề có nghĩa lý sâu xa, vi diệu, vượt ngoài tình kiến, tâm hạnh của chúng sanh không thể đạt đến, ngôn ngữ văn tự không thể diễn đạt được.

“Lời hỏi của ông hôm nay có công đức vượt hơn cúng dường các bậc A-la-hán, Bích-chi-Phật trong một thiên hạ; lũy kiếp bố thí chư thiên, nhân loại và các loài côn trùng bay bò trăm ngàn vạn lần.”

Tứ thiên hạ chính là bốn châu lớn: Nam Thiệm-bộ châu, Bắc Câu-lô châu, Đông Thắng Thần châu, Tây Ngưu Hóa châu. “Một thiên hạ” là chỉ cho một trong bốn châu lớn, như Nam Thiệm-bộ châu. Phật tán thán công đức của câu hỏi mà A-nan đã nêu, thù thắng hơn việc cúng dường A-la-hán, Bích-chi Phật trong một thiên hạ; lại còn vượt hơn công đức lũy kiếp bố thí cho chư thiên, nhân dân, và các loài côn trùng bay bò. “Bay” là chỉ cho côn trùng nhỏ có cánh; “bò” là chỉ những loài bò dưới đất. Thời gian bố thí lũy kiếp cực kỳ dài. Vượt hơn toàn bộ công đức bố thí cho tất cả nhân dân, chư thiên, các loài sinh vật, cho đến những côn trùng bay và bò, công đức câu hỏi của A-nan vượt hơn trăm ngàn vạn lần hai điều trên.

“Vì sao vậy? Chư thiên, nhân dân và hết thảy hàm linh trong tương lai đều nhờ lời hỏi của ông mà được độ thoát.”

Vì sao câu hỏi của A-nan lại có công đức lớn đến như vậy? Vì chính nhờ câu hỏi này của A-nan mà dẫn đến câu trả lời của Phật. Hết thảy hàm linh đều nhờ vào câu hỏi này của ngài A-nan mà được ra khỏi sanh tử. “Tương lai” là chỉ từ đây về sau, đời vị lai. “Chư thiên” là chỉ cho trời Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. “Hàm linh” là chỉ cho chúng sanh. Vì câu hỏi này của A-nan mà Phật nói ra pháp môn Tịnh độ. Mọi người phải biết rằng:

1. Hết thảy hàm linh trong tương lai bao gồm tất cả chúng sanh hiện tiền, đương nhiên cũng bao gồm bạn và tôi, do vậy bạn và tôi đều phải nương vào pháp môn Tịnh độ để được độ thoát.

2. Hết thảy hàm linh đều nhờ pháp môn Tịnh độ được hỏi ra này mà được độ thoát. Có thể thấy, tuy pháp môn nhiều vô lượng, nhưng có thể nương vào để vượt thoát sanh tử, trực tiếp lên bờ giác thì chỉ có pháp môn Tịnh độ. Hãy chú ý hai chữ: “chỉ có”.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

A-nan! Như Lai vì lòng đại bi vô tận, thương xót tam giới nên xuất hiện ở đời, xiển dương rộng khắp giáo pháp vì muốn cứu bạt quần manh, ban cho lợi ích chân thật, khó gặp khó thấy, như hoa ưu-đàm hiếm khi xuất hiện. Lời hỏi của ông hôm nay có lợi ích rất lớn.

“A-nan! Như Lai vì lòng đại bi vô tận, thương xót tam giới nên xuất hiện ở đời.”

Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên nói: Chư Phật lấy tâm đại bi làm chủ thể, cần dùng nước đại bi để lợi ích chúng sanh, mới kết thành hoa trái trí tuệ của chư Phật Bồ-tát.

Trong phẩm Hạnh Nguyên nói: “Vô tận” tức là không có cùng tận, chư Phật Bồ-tát dùng lòng đại bi vô tận để “thương xót tam giới”. “Thương xót” chính là xót thương bi mẫn. Phật thương xót tất cả chúng sanh trong tam giới, cho nên xuất hiện ở thế gian.

Kinh Pháp Hoa nói: Chư Phật Thế Tôn chỉ vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời. “Đại sự nhân duyên” chính là khai thị chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật. Pháp môn Tịnh độ chính là tri kiến Phật.

Tổ sư Ấn Quang dạy: “Nếu Như Lai không xuất hiện thì đại thiên thế giới như chìm trong đêm dài. Phật nhật vừa chiếu khắp, các pháp đều sáng tỏ. Không chỉ hàng thánh nhân Tam thừa được mau lên bờ giác, mà chúng sanh hữu tình trong lục đạo cũng dần thoát khỏi bánh xe luân hồi khổ đau. Phật dùng một âm thanh thuyết pháp, chúng sanh tùy loài đều hiểu được.”

“Xiển dương rộng khắp giáo pháp, muốn cứu bạt quần manh, ban cho lợi ích chân thật.”

“Rộng khắp” là chỉ phát huy rộng khắp. “Xiển dương” nghĩa là khai diễn. “Cứu bạt” là cứu độ. “Quần manh” tức là chúng sanh. “Muốn” là biểu thị mong muốn. Phật muốn đến cứu độ hết thảy chúng sanh này.

“Xiển dương rộng khắp giáo pháp, muốn cứu bạt quần manh” có hai ý nghĩa:

Một là tiếp nối ý trước: vì lấy đại bi làm thể, nên muốn độ thoát hết thảy hữu tình, do vậy mà xiển dương rộng khắp giáo pháp, nhằm cứu độ quần manh.

Hai là dẫn ý kế tiếp: vì muốn thực sự cứu bạt quần manh, nên phải “ban cho lợi ích chân thật”. “Ban” là chỉ ban cho, ban ân. “Lợi ích chân thật” chính là nguyện khắp hết thảy chúng sanh đều có thể tiến vào biển đại nguyện của Di-đà.

“Muốn cứu bạt quần manh”, từ “cứu bạt” này có sức mạnh rất lớn. Làm thế nào để cứu bạt? Đại sư Thiện Đạo nói: “Như Lai sở dĩ xuất hiện ở đời, chỉ để nói biển bốn nguyện của Di-đà.” Thế Tôn sở dĩ xuất hiện ở đời, chỉ vì muốn nói về biển bốn nguyện ấy. Thế nguyện của Di-đà chính là lợi ích chân thật. Chỉ có bậc có mắt

trên đỉnh đầu, độc nhất xưa nay như đại sư Thiện Đạo mới có thể cùng tột lý thể, khai thị phương tiện rốt ráo vô thượng như vậy.

Sách Chân Giải nói: “Lợi ích chân thật” là chỉ riêng cho danh hiệu này, chính là trí tuệ của Phật. Cái gọi là “lợi ích chân thật” chính là lợi ích lớn của danh hiệu. Sự viên mãn rốt ráo của lợi ích lớn này chính là diệu quả niết-bàn vô thượng. Bởi vì lợi ích rốt ráo của danh hiệu này chính là diệu quả niết-bàn vô thượng. Đại sư Ngẫu Ích nói: Một câu “Nam-mô A-di-đà Phật” này chính là pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật đã chứng được trong đời ác năm trước. Phật đem toàn bộ pháp chân thật mà ngài đã chứng truyền trao cho chúng sanh, chỉ vì muốn chúng sanh đạt được lợi ích chân thật, bởi vì chỉ có pháp này mới là chân thật nhất.

Từ pháp thế gian mà nhìn Tiểu thừa, từ Tiểu thừa mà nhìn quyền pháp của Đại thừa, từ quyền pháp của Đại thừa mà nhìn thật pháp của Đại thừa, từ thật pháp của Đại thừa mà nhìn đại nguyện của Di-đà, thì các pháp trước đều là quyền xảo giả lập, pháp sau mới là chân thật. Đại nguyện của Di-đà lấy nguyện thứ 18 “mười niệm ắt sanh” làm trung tâm, “mười niệm ắt sanh” của nguyện thứ 18 là chân thật trong chân thật, viên đôn trong viên đôn. Bởi vì danh hiệu được lưu xuất ra từ trong đại quang minh tạng sau khi đức Di-đà chứng được đại niết-bàn. Đây là thành tựu toàn bộ công đức của Di-đà. Trì danh là lấy quả giác của Phật để trang nghiêm tâm mình lúc tu nhân. Cho nên, đây là lợi ích trực tiếp nhất, triệt để nhất.

Sách Chân Giải nói: Từ việc được lợi ích ngay trong đời này mà nói, tuy các kinh luận khác cũng có pháp thành Phật nhanh chóng, nhưng do căn cơ của chúng sanh không đủ, nên rất khó thấy người được giải thoát ngay trong hiện đời. Do vậy, pháp môn trì danh có lợi ích chân thật độc nhất, vạn người tu vạn người đi.

Pháp môn Tịnh độ là khai hóa hiển thị “bến bờ chân thật”. “Bến bờ chân thật” chính là pháp thân vô vi, là chỗ rốt ráo của thật tướng các pháp.

Trong Di-đà Yếu Giải nói: Đối với pháp môn Tịnh độ mà nói, thì người nói, đối tượng được nói; người hóa độ, kẻ được hóa độ; người tin, pháp được tin; người phát nguyện, điều được phát nguyện; người trì, pháp được trì; người sanh về, cõi để sanh về; người khen ngợi, đối tượng được khen ngợi, không gì chẳng được chánh ấn của thật tướng in vào. Từ “ấn” trong “chánh ấn” vô cùng quan trọng. Ấn là chỉ cho ấn chương, con dấu. Công văn thời xưa phải có đại ấn của chủ quản thì mới có hiệu

lực. Ngày nay gửi tiền ở ngân hàng, con dấu trên lệnh rút tiền phải khớp thì mới có thể nhận tiền. Có thể thấy, ấn chính là ấn chứng. Hơn nữa, đóng dấu khác với viết chữ, viết chữ là từng nét một, có trước có sau. Con dấu thì không như vậy, chữ trên ấn chương hiện ra cùng lúc, thành tựu ngay tức thời, một thành thì hết thấy thành. Cho nên dùng điều này để biểu thị cho pháp viên đốn.

Hết thấy những điều được nói hiện tại đều từ con dấu của thật tướng in ra, thế nên những gì hiển hiện ra ắt hẳn cái nào cũng đều là thật tướng. Vì vậy, người có thể nói, nội dung được nói; người có thể nghe, nội dung được nghe; người có thể phát nguyện vãng sanh, và cõi nước phát nguyện vãng sanh đến; tâm có thể niệm và Phật hiệu được niệm, tất cả những điều này đều là chánh ấn của thật tướng.

Kinh Lăng-nghiêm nói: “Hết thấy sự rốt ráo kiên cố.” Vì sao vậy? Vì không có thứ nào chẳng phải là thật tướng, chẳng phải là pháp thân, hết thấy vốn không phân biệt. Mật tông gọi là “đại viên mãn”. Trong “đại viên mãn” không có một sự việc nào chẳng phải là đại viên mãn. Một câu Phật hiệu tức chính là đại viên mãn, chính là thật tướng. Cho nên Mật tông nói: “Âm thanh, văn tự đều là thật tướng.” Âm thanh mà tai nghe, hình sắc mà mắt thấy, đó chẳng phải đều là sáu trần sao? Thế nhưng Tam tổ của Thiên tông nói trong bài Tín Tâm Minh rằng: “Sáu trần chẳng hề xấu, vẫn đồng với chánh giác.” Cho nên Tam tổ vừa mở miệng liền nói: “Đạo tối thượng chẳng khó, chỉ hiểm chọn lựa.” “Thử hỏi, nếu tất cả đều là thật tướng, thì các hạ chọn lựa thế nào đây?” Câu hỏi này của Hoàng Niệm lão thật sự thấu tận cốt tủy, quá đối tuyệt vời! Cho nên người có thể tu, pháp được tu đều là thật tướng; chú ngữ được niệm, chữ được quán cũng đều là thật tướng. Có thể thấy, vào pháp môn Tịnh độ tức là vào thật tướng. Đây chính là lợi ích chân thật. Vì diệu tột cùng, đây là đại pháp vô thượng thực sự!

“Khó gặp khó thấy, như hoa ưu-đàm hiếm khi xuất hiện. Lời hỏi của ông hôm nay có lợi ích rất lớn.”

“Gặp” là chỉ cho gặp gỡ. “Hoa ưu-đàm” rất giống trái sung, lá giống lá lê, quả to bằng nắm tay, không nở hoa mà kết quả, có khi cũng nở hoa, nhưng rất khó nhìn thấy.

Trong kinh Niết-bàn nói: Nếu hoa ưu-đàm nở ra hoa vàng thì sẽ có Phật xuất thế. Loài hoa này trải qua bao kiếp mới nở một lần, là điềm lành cực lớn. Tỉ dụ cho sự khó gặp khó thấy Phật, giống như hoa ưu-đàm, “hiếm khi xuất hiện”, trong đời

không có Phật, loài hoa này chỉ kết quả mà không nở hoa. Hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật.